



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.04013**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản:**

**Tên sản phẩm** : Dịch cá/ Fish Soluble  
**Số lượng/ khối lượng** : 20 flexibags/ 489.940 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Mauritania Sea Food Sarl, Mauritania

**Thuộc lô hàng nhập khẩu**

Hợp đồng số : WL20250618 ngày 18/06/2025  
Hóa đơn số : 085/2025 ngày 03/08/2025  
Vận đơn số : 255232432  
Ngày sản xuất : 15/5 đến 22/5/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 7660/HQ-GDK-TTKN ngày 25/9/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038803)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI THÔNG**  
Địa chỉ: 82 Đường 1B, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2887 /QĐ-TTKN

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đã Thanh Tùng**



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 14488/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế LinhMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 41962510043

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/10/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 01/10/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Fish Soluble<br>(mã hồ sơ:<br>BNNPTNT292500388<br>03) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                       | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                       | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 1,16               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                       | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                       | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                       | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                       | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 07/10/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.